

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2024
“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tạm trú tại: Số Nhà 709, đường T, phường 12, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông V và bà L đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T (cũ) nay là thị trấn T vào ngày 09/12/1994. Sau ngày cưới, bà L về làm dâu nhà ông. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, khi phát hiện, ông đã nhiều lần khuyên bảo

nhưng bà L không thay đổi. Năm 2012, ông bị Tòa án huyện Mê Linh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản và ông đi chấp hành hình phạt tù. Trong thời gian ông chấp hành hình phạt tù thì bà L bỏ mặc không quan tâm, thăm hỏi hoặc gửi đồ tiếp tế gì cho ông. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bà L vào Miền Nam làm ăn còn ông ở nhà, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn lại được với nhau nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống bà L thừa nhận đúng như lời trình bày trên của ông V.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, theo bà L trình bày hoàn toàn là do lỗi của ông V. Thời gian ông V đi chấp hành án, mẹ con bà quan tâm thăm hỏi đầy đủ. Sau khi chấp hành xong hình phạt trở về, tình cảm của bà với ông V bình thường nhưng ông V thì hắt hủi không quan tâm gì đến bà. Do vậy, bà vào Miền Nam làm ăn, bà nói ông V cùng vào đó với bà thì ông V không vào, ở nhà quan hệ bất chính với nhiều người. Bà có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay ông V xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Ông V và bà L đều xác định, vợ chồng có 02 con chung gồm chị Nguyễn Thị Ngân, sinh ngày 30/10/1996 và anh Nguyễn Thanh Tuấn, sinh ngày 19/02/2000. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành nên ly hôn, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/02/2024, Tòa án nhận được đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà L gửi qua đường bưu điện. Bà L yêu cầu Tòa án chia quyền sử dụng thửa đất số 630, tờ bản đồ số 8, diện tích 140m² tọa lạc tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Kèm theo đơn đề nghị, bà L có nộp cho Tòa án 01 tờ giấy viết tay thể hiện nội dung: Một số người làm chứng đã viết xác nhận về việc bà đóng thuế sử dụng đất hàng năm đối với thửa đất 630 nhưng bản viết tay này không có xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận về địa chỉ cũng như nhân thân, lý lịch của từng người làm chứng viết xác nhận trong bản viết tay này và 01 Trích lục bản đồ và kiểm tra hiện trạng thửa đất 630 do Ủy ban nhân dân thị trấn T trích lục ngày 26/02/2024. Tuy nhiên, nội dung của bản Trích lục bản đồ trên không thể hiện chủ sử dụng quyền sử dụng đối với thửa đất 630 là ai.

Với tài liệu, chứng cứ như trên, xét thấy chưa đủ điều kiện đề Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản của bà L. Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bà L đến hoàn thiện thủ tục chia tài sản chung nhưng bà L không đến làm việc. Do vậy, Tòa án không thụ lý đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà L.

Về khoản vay; cho vay và công sức: Ông V, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tại phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn, ban đầu thì chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đến giai đoạn hòa giải và đưa vụ án ra xét xử, bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nên Kiểm sát viên không có kiến nghị, khắc phục gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V và cho ông V được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2/ Về con chung: Do 02 con chung của ông V, bà L đã thành niên. Ly hôn, ông V bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản: Ông Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà L và ông V tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, bà L không đến Tòa án để hoàn thiện thủ tục chia tài sản chung của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu chia tài sản chung của bà L ra giải để quyết bằng vụ án dân sự khác khi bà L có yêu cầu.

Các khoản vay, cho vay và công sức: Ly hôn, ông V bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề xuất quan điểm giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, thì ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông V được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác

định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Hiện nay, mặc dù bà L đang tạm trú tại quận G, thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn nhưng hộ khẩu thường trú của bà L vẫn ở thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông V là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn V là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông V và bà L theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung vụ án:

[1.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Ông V xin ly hôn bà L, quá trình giải quyết vụ án, cả ông V và bà L đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên ông V xin ly hôn, bà L đồng ý.

Căn cứ vào lời trình bày của ông V và bà L, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân thị trấn T thấy rằng. Ông V kết hôn với bà L trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (cũ) nay là thị trấn T nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, ông V và bà L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống mất niềm tin lẫn nhau. Khi ông V xin ly hôn, bà L đồng ý. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông V là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần xử cho ông V được ly hôn với bà L.

[1.2]. Về con chung: Ông V và bà L về xác nhận, vợ chồng có 02 con chung gồm chị Nguyễn Thị Ngân, sinh ngày 30/10/1996 và anh Nguyễn Thanh Tuấn, sinh ngày 19/02/2000. Hiện nay chị Ngân và anh Tuấn đã trưởng thành, ly hôn ông V, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[1.3]. Về tài sản:

Ông V không yêu cầu Tòa án chia tài sản, bà L có đơn gửi đến Tòa án đề nghị Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 630, tờ bản đồ số 8, diện tích 140m² tọa lạc tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là thửa đất 630). Kèm theo đơn đề nghị, bà L có nộp cho Tòa án 01 tờ giấy viết tay

thể hiện lời chứng nhận của một số người làm chứng xác nhận, hằng năm bà L có đóng thuế sử dụng đối với thửa đất 630. Tuy nhiên, bản viết tay này không có việc xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận về địa chỉ cũng như nhân thân, lý lịch của những người làm chứng đã viết xác nhận trong bản viết tay trên và 01 Trích lục bản đồ và kiểm tra hiện trạng thửa đất 630 do Ủy ban nhân dân thị trấn T trích lục ngày 26/02/2024 nhưng nội dung của bản Trích lục bản đồ trên không thể hiện chủ sử dụng quyền sử dụng đối với thửa đất 630 là ai.

Sau khi nhận được đơn yêu cầu chia tài sản của bà L, với tài liệu, chứng cứ bà L giao nộp cho Tòa án ở trên xét thấy chưa đủ điều kiện đề Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản của bà L. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà L cũng như các đương sự khác trong vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Thông báo số: 03/TB - TA ngày 04/3/2024, về việc: Yêu cầu bà L đúng 07 giờ 30 phút, ngày 14/3/2024 phải có mặt tại trụ sở Tòa án Yên Lạc để hoàn thiện thủ tục tố tụng yêu cầu chia tài sản chung của mình và cung cấp cho Tòa án thêm các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 630 của bà L và ông V đồng thời tổng đạt hợp lệ cho bà L Thông báo trên. Hết ngày 14/3/2024, không thấy bà L đến Tòa án làm việc theo nội dung của Thông báo số: 03/TB - TA ngày 04/3/2024. Để đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án cũng như bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự, Tòa án đã có Văn bản thông báo cho bà L biết hậu quả pháp lý của việc không đến Tòa làm thủ tục tố tụng chia tài sản chung đồng thời tổng đạt hợp lệ cho bà L văn bản trên. Đến ngày mở lại phiên tòa, bà L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tách yêu cầu chia tài sản chung của bà L ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi bà L có đơn yêu cầu giải quyết là phù hợp.

[1.4]. Về khoản vay, cho vay và công sức: Ly hôn ông V và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2/ Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003014 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận, ông V đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh

